

Số: **510**/BVNHN-HCQT
V/v mời cung cấp báo giá gói thầu
“Mua sắm vật tư, thiết bị điện nước”

Hà Nội, ngày **10** tháng **6** năm 2025

Kính gửi: Các nhà thầu cung cấp vật tư, thiết bị điện nước.

Bệnh viện Nhi Hà Nội có kế hoạch triển khai lựa chọn nhà thầu “Mua sắm vật tư, thiết bị điện nước”.

Trân trọng mời các nhà thầu quan tâm, chào giá theo các nội dung yêu cầu như sau:

1. Mục đích: Làm căn cứ lập dự toán gói thầu “Mua sắm vật tư, thiết bị điện nước”.

(kèm theo bảng danh mục số lượng, yêu cầu kỹ thuật).

2. Nội dung yêu cầu: Chào giá gồm 02 phần: Năng lực và giá:

2.1. Yêu cầu về năng lực *(không bắt buộc)*.

- Có đăng ký kinh doanh phù hợp
- Giới thiệu về năng lực, kinh nghiệm nhà thầu và các hồ sơ khác liên quan (nếu có)

2.2. Yêu cầu về giá:

Giá nhà thầu chào: *Giá bao gồm đầy đủ các loại thuế, phí, vận chuyển, lắp đặt theo quy định và các chi phí liên quan khác.*

2.3. Các yêu cầu khác:

- Yêu cầu các Nhà thầu gửi báo giá bao gồm đầy đủ các thông tin về: Mã hiệu, thương hiệu/xuất xứ, thông số kỹ thuật của sản phẩm (nếu có).
- Báo giá phải ghi rõ đơn vị tính là Việt Nam đồng (VNĐ).

Bệnh viện Nhi Hà Nội mời các nhà thầu có khả năng quan tâm và gửi chào giá đến Bệnh viện Nhi Hà Nội theo bảng chi tiết của thư mời này.

- Hiệu lực báo giá: 03 tháng.
- Thời gian nộp chào giá: Từ ngày 11/06/2025 đến ngày 13/06/2025 (Trong giờ hành chính).
- Nhà thầu ghi rõ thông tin liên hệ của nhà thầu để trao đổi.
- Nơi tiếp nhận chào giá: Phòng Văn thư Bệnh viện Nhi Hà Nội, phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, TP Hà Nội.

Nhà thầu sẽ được Bệnh viện Nhi Hà Nội liên hệ qua các hình thức như: Điện thoại, Email, Fax hoặc bằng văn bản để thông báo và trao đổi các nội dung liên quan đến công việc (nếu cần).

Bệnh viện Nhi Hà Nội kính mời các nhà thầu cung cấp dịch vụ quan tâm nộp chào giá theo thời gian và địa điểm nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc;
- Lưu VT, HCQT(2).

GIÁM ĐỐC



Ngô Quang Hùng

BẢNG CHI TIẾT DANH MỤC

(Đính kèm thư mời chào giá ngày **10/06/2025** của Bệnh viện Nhi Hà Nội)

STT	Nội dung công việc	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
I	VẬT TƯ CHO HỆ THỐNG ĐIỆN			
1	Đèn Led Panel âm trần 300x600, 28W	+ Nhiệt độ màu: 3000K/4000K/6000K + ChipLed: Bridgelux + Hiệu suất phát quang: 100lm/W; CRI ≥80; Góc chiếu:120° + Điện áp: 220V; Cấp bảo vệ: IP20 + Kích thước: L300*W600*H10mm	cái	10
2	Đèn Led Panel âm trần 300x300, 24W	+ Nhiệt độ màu: 3000K/4000K/6000K + ChipLed: Bridgelux + Hiệu suất phát quang: 100lm/W; CRI ≥80; Góc chiếu:120° + Điện áp: 220V; Cấp bảo vệ: IP20 + Kích thước: L300*W300*H10mm	cái	10
3	Đèn Led Panel âm trần 1200x300, 40W	+ Nhiệt độ màu: 3000K/4000K/6000K + ChipLed: Bridgelux + Hiệu suất phát quang: 100lm/W; CRI ≥80; Góc chiếu:120° + Điện áp: 220V; Cấp bảo vệ: IP20 + Kích thước: L300*W1200*H10mm	cái	10
4	Phụ kiện treo đèn panel : Tai cái, vít nở 1x4c		Bộ	80
5	Ghen vuông 16x14	- Kích thước: 16x14mm - Dài: 2m/cây	cây	250
6	Ống nhựa mềm PVC DN20	- Dài 50m/cuộn	cuộn	5
7	Ống ghen bán nguyệt D40x16	- Kích thước: 16x14mm - Dài: 1,2m/cây	cây	300
8	Ổ cắm đôi 3 chấu liền thân	- Thân liền - 16A	bộ	400
9	Mặt che phẳng	- Mặt che 3 lỗ size S (1L) - Màu Trắng	bộ	400
10	Đế nổi	- Đế nhựa - Kích thước: 118x74x34	bộ	400
11	Hạt ổ cắm	- Loại VSC 2 chấu 16A cỡ S - Màu Trắng	bộ	30
12	Mặt che 1 lỗ công tắc	- Một lỗ cỡ 1S - Màu Trắng	cái	20
13	Mặt che 2 lỗ công tắc	- Một lỗ cỡ 2S - Màu Trắng	cái	20
14	Mặt che 3 lỗ công tắc	- Một lỗ cỡ 1L - Màu Trắng	cái	20
15	Hạt công tắc	- Loại 1 chiều, 16A - Màu Trắng	hạt	100

STT	Nội dung công việc	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
16	Phích cắm	- Phích cắm đuôi cá - Màu trắng	cái	100
17	Quạt hút gắn trần 300x300	- Kích thước phủ bì: 300x300 - Điện áp 220V/50HZ - Công suất 24W - Lưu lượng gió: 8m3/phút	cái	5
18	Aptomat 10A đơn	- MCB - 1pha, 1 cực, 10A, 4,5kA	cái	30
19	Aptomat 20A đơn	- MCB - 1pha, 1 cực, 20A, 4,5kA	cái	30
20	Aptomat 25A đơn	- MCB - 1pha, 1 cực, 25A, 4,5kA	cái	30
21	Aptomat 10A đôi	- MCB - 1pha, 2 cực, 10A, 4,5kA	cái	20
22	Aptomat 20A đôi	- MCB - 1pha, 2 cực, 20A, 4,5kA	cái	20
23	Aptomat 25A đôi	- MCB - 1pha, 2 cực, 25A, 4,5kA	cái	20
24	Băng keo điện	- Bề rộng bản: 18mm- Chất liệu: PVC cách nhiệt- Chiều dài cuộn: 20Y- Khả năng chịu nhiệt: <80oC- Màu đen	cây	20
25	Vít + nở 6		cái	1,000
26	Vít + nở 8		cái	1,000
27	Vít thạch cao 2cm		túi	3
28	Vít tự khoan 1,5cm		túi	2
29	Đỉnh bê tông 3cm		kg	3
30	Keo bột	- Khô bề mặt: 7-15 phút - Thời gian khô: 20~25 phút không bám bụi - Lưu hoá đông rắn: Dạng bột xộp	thùng	2
31	Keo Silicon đen A500	- Cường độ chịu kéo: 1,48Mpa - Độ giãn dài: 325%	Tuýp	24
32	Keo Silicon trắng trong A500	- Độ chảy: 1mm - Thời gian không dính bề mặt: 18 phút	Tuýp	24
33	Kim bấm cos	- Phạm vi ép: 6-70mm ² - Lực ép lớn nhất: 5T	cái	1
II	VẬT TƯ CHO HỆ THỐNG CẤP THOÁT NƯỚC			
34	Ống thoát uPVC D42	- Vật liệu uPVC - Chiều dài 4m/1 ống - Đường kính ngoài 42mm - Màu xám	cây	20
35	Ống thoát uPVC D34	- Vật liệu uPVC - Chiều dài 4m/1 ống - Đường kính ngoài 34mm - Màu xám	cây	20

STT	Nội dung công việc	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
36	Ống lạnh PPR D20	- Vật liệu PPR - Chiều dài 4m/1 ống - Đường kính ngoài 20mm - Màu trắng xám, vạch xanh	cây	50
37	Ống lạnh PPR D25	- Vật liệu PPR - Chiều dài 4m/1 ống - Đường kính ngoài 25mm - Màu trắng xám, vạch xanh	cây	20
38	Ống nóng PPR D20	- Vật liệu PPR - Chiều dài 4m/1 ống - Đường kính ngoài 20mm - Màu trắng xám, vạch đỏ	cây	30
39	Cút góc 90 độ uPVC D42	- Vật liệu uPVC - Đường kính 42mm - Màu xám	cái	100
40	Cút góc 90 độ uPVC D34	- Vật liệu uPVC - Đường kính 34mm - Màu xám	cái	100
41	Cút góc 90 độ PPR D20	- Vật liệu PPR - Đường kính 20mm - Màu trắng xám	cái	150
42	Cút góc 90 độ PPR D25	- Vật liệu PPR - Đường kính 25mm - Màu trắng xám	cái	100
43	Tê uPVC D42	- Vật liệu uPVC - Đường kính 42mm - Màu xám	cái	30
44	Tê uPVC D34	- Vật liệu uPVC - Đường kính 34mm - Màu xám	cái	30
45	Tê PPR D25	- Vật liệu PPR - Đường kính 25mm - Màu trắng xám	cái	50
46	Tê PPR D20	- Vật liệu PPR - Đường kính 20mm - Màu trắng xám	cái	30
47	Van khóa PPR D25	- Vật liệu PPR - Đường kính 25mm - Màu trắng xám	cái	100
48	Van khóa PPR D20	- Vật liệu PPR- Đường kính 20mm- Màu trắng xám	cái	50
49	Cút ren trong 25 1/2 PPR	- Vật liệu PPR - Đường kính 25x1/2 - Màu trắng xám	cái	50
50	Cút ren trong 20 1/2 PPR	- Vật liệu PPR - Đường kính 20x1/2 - Màu trắng xám	cái	100

STT	Nội dung công việc	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
51	Tê ren trong 25 1/2 PPR	- Vật liệu PPR - Đường kính 25x1/2 - Màu trắng xám	cái	30
52	Tê ren trong 20 1/2 PPR	- Vật liệu PPR - Đường kính 20x1/2 - Màu trắng xám	cái	20
53	Măng sông ren trong 25 1/2 PPR	- Vật liệu PPR - Đường kính 25x1/2 - Màu trắng xám	cái	30
54	Măng sông ren trong 20 1/2 PPR	- Vật liệu PPR - Đường kính 20x1/2 - Màu trắng xám	cái	30
55	Rắc co D25 PPR	- Vật liệu PPR - Đường kính 25mm - Màu trắng xám	cái	30
56	Rắc co D20 PPR	- Vật liệu PPR - Đường kính 20mm - Màu trắng xám	cái	30
57	Vòi chậu nóng lạnh	- Vật liệu đồng mạ crôm niken	bộ	5
58	Xiphong thoát chậu rửa mặt	- Inox SUS304	bộ	5
59	Vòi sen tắm nóng lạnh	- Vật liệu đồng mạ crôm niken	bộ	10
60	Dây dẫn nước vòi sen	- Vật liệu Inox SUS304	cái	20
61	Dây xịt vệ sinh	- Lõi van bằng đồng, mạ Cr-Ni	cái	10
62	Van góc 3 ngã	- Vật liệu đồng mạ crôm niken - Đường kính 1/2"	cái	10
63	Dây mềm cấp nước Inox SUS304	- Inox SUS304 - Dài 30cm	cái	140
64	Ngăn mùi thoát sàn	- Đường kính trong DN50 - Vật liệu thép hợp kim	cái	500
65	Kép ren DN15	-Inox SUS304	cái	200
66	Băng tan	- Cuộn 10m	thùng	1
67	Băng dính xếp bản 2cm	- Bản rộng 2cm	cây	15
68	Tháo ren ngược	- Bộ taro ren ngược nhỏ ốc gậy 5 chi tiết từ 3-18mm	bộ	1
69	Keo dán ống uPVC 50Gr	- Tuýp 50Gr	tuýp	100
70	Đèn pin đội đầu sửa chữa	- Công suất 3W/5W - Điện áp đầu vào 220V	cái	3
71	Xe nâng tay thấp tải trọng 2,5 tấn	- Tải trọng tối đa 2500Kg - Chiều cao thấp nhất 85mm - Chiều cao nâng tối đa 200mm - Chiều dài càng nâng 1150mm - Chiều rộng càng nâng 550mm - Trọng lượng 73kg	cái	1

STT	Nội dung công việc	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
72	Xe đẩy hàng 2 bánh	- Kiểu xe: đẩy tay 2 bánh - Kích thước: 370x200x1300mm - Tải trọng: 200kg - Trọng lượng: 15kg	cái	1
73	Máy laser Bosch (GLL 50-15G)	- Số tia laser: 5 tia xanh - Phạm vi làm việc: 15m - IP54 - Trọng lượng: 0,5kg	cái	1

Lưu ý:

- Đề nghị nhà thầu chào rõ: Mã hiệu, thương hiệu/xuất xứ, thông số kỹ thuật của sản phẩm (nếu có).

- Giá bao gồm đầy đủ các loại thuế, phí, vận chuyển đến kho chỉ định trong khuôn viên Bệnh viện, lắp đặt theo quy định và các chi phí liên quan khác.

